TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
13.04.2025 14:02:51 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 12/04/2025 17:03:26

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/TTr-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2025*

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; xét đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 194/TTr-SDTTG ngày 27/3/2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo 69/BC-STP ngày 16/3/2025 và ý kiến thống nhất của tập thể UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 09/4/2025, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị quyết của Quốc hội: Số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Kết luận số 08-KL/BCĐ ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của tỉnh và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập các Sở thuộc UBND tỉnh gồm: Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND tỉnh về việc thành lập Ban Dân tộc - Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh tên Ban Dân tộc - Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi thành Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi, Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi, Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; theo đó, các Sở được thành lập chính thức hoạt động từ ngày 01/3/2025. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều

của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh để làm cơ sở phân bổ, điều chỉnh vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các Sở mới được thành lập để phù hợp với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của từng Sở và tổ chức thực hiện Chương trình là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết để làm căn cứ pháp lý trong việc phân bổ, điều chỉnh vốn cho các Sở, ngành tỉnh thực hiện các chính sách đối với đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp Hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 27/HĐND-DT ngày 05/3/2025 về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; UBND tỉnh đã có Công văn số 1178/UBND-KGVX ngày 05/3/2025 giao Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát các nội dung đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn nêu trên để khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh đảm bảo đúng nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định; kịp thời tham mưu UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh. Sở Dân tộc và Tôn giáo đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh lấy ý kiến các sở ngành liên quan; tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 66/SDTTG-CS ngày 10/3/2025. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 69/BC-STP

ngày 16/3/2025, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 194/TTr-SDTTG ngày 27/3/2025. Ngày 09/4/2025, UBND tỉnh đã tổ chức họp và thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 33, nhiệm kỳ 2021-2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Điều 3. Tổ chức thực hiện.

- Điều 4. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 9 như sau:

"b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 3. Trong đó, phân bổ cho Sở Nội vụ không quá 10% và phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10%.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu

chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm			

Số lượng (a) căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương".

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 như sau:

"b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh: Không quá 60% tổng số vốn sự nghiệp Tiểu dự án 3. Trong đó:

Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 25%; Sở Tài chính không quá 06%; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh mỗi đơn vị không quá 03%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 04%; Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh mỗi đơn vị không quá 02%.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm (1+2+3)			

Số lượng (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)".

2.2) Thay thế một số cụm từ của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Thay thế cụm từ "Ban Dân tộc tỉnh" thành "Sở Dân tộc và Tôn giáo" tại điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1

Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024; điểm b khoản 4 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023; điểm b khoản 2 Điều 14.

- Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" thành "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023.

- Thay thế cụm từ "Sở Thông tin và Truyền thông" thành "Sở Khoa học và Công nghệ" tại điểm b khoản 2 Điều 14.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. UBND tỉnh đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành và UBND các huyện tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo quy định.

Tài liệu gửi kèm theo gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

(2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

(3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

(4) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX$_{VHTin108}$.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Phiên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2025/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 32

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 9 như sau:

"b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 3. Trong đó, phân bổ cho Sở Nội vụ không quá 10% và phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10%.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm			

Số lượng (a) căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 như sau:

"b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh: Không quá 60% tổng số vốn sự nghiệp Tiểu dự án 3. Trong đó:

Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 25%; Sở Tài chính không quá 06%; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh mỗi đơn vị không quá 03%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 04%; Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh mỗi đơn vị không quá 02%.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm (1+2+3)			

Số lượng (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)".

Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

1. Thay thế cụm từ "Ban Dân tộc tỉnh" thành "Sở Dân tộc và Tôn giáo" tại điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024; điểm b khoản 4 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023; điểm b khoản 2 Điều 14.

2. Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" thành "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023.

3. Thay thế cụm từ "Sở Thông tin và Truyền thông" thành "Sở Khoa học và Công nghệ" tại điểm b khoản 2 Điều 14.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

2. Những nội dung khác của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/QĐ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Vụ Pháp chế - Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính- Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT.

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 169 /BC-SDTTG	*Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi

Trên cơ sở báo cáo số 69/BC-STP ngày 16/3/2025 của Sở Tư pháp về Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi; Sở Dân tộc và Tôn giáo báo cáo tiếp thu, giải trình nội dung thẩm định như sau:

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2025 được thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Đầu tư công năm 2019 đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025 được thay thế bởi Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo thay thế các văn bản luật làm căn cứ pháp lý ban hành cho phù hợp. Đồng thời, đề nghị bỏ 01 căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 để không trùng lặp.

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo: đã tiếp thu, điều chỉnh.

2. Tên gọi và tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết trình bày *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh"* là chưa chính xác. Bởi vì, các nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số

12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh, cụ thể: (1) Nội dung điểm b khoản 1 Điều 7; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh. (2) Nội dung khoản 2 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày lại tên gọi và tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp và đảm bảo tính chính xác.

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo: đã tiếp thu, điều chỉnh.

3. Qua rà soát nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết *(trừ khoản 4 và khoản 9)* chỉ sửa đổi tên gọi của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Dân tộc tỉnh thành "Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo". Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung của điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước *"Không bắt buộc ban hành văn bản chỉ để xử lý nội dung về tên gọi của các cơ quan, chức danh có thẩm quyền bị thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước"*. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện rà soát lại toàn bộ nội dung của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND và trình bày theo hướng sau: *(1) Các điều, khoản có thay đổi về nội dung thì trình bày thành một điều để quy định về sửa đổi, bổ sung; (2) Các điều, khoản nào chỉ thay đổi về tên gọi, không thay đổi nội dung thì trình bày thành một điều quy định về thay thế tên gọi của các cơ quan.*

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo: đã tiếp thu, điều chỉnh.

4. Tại khoản 1, 2 Điều 1 dự thảo sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND nhưng trình bày thành 2 khoản (1 và 2) là chưa phù hợp với thể thức kỹ thuật trình bày văn bản sửa đổi, bổ sung. Tương tự tại khoản 3, 4, 5 dự thảo Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 9 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND; khoản 7, 8, 9 dự thảo sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày lại bố cục của Điều 1 dự thảo Nghị quyết theo hướng: Mỗi khoản của Điều 1 dự thảo Nghị quyết thực hiện sửa đổi, bổ sung 01 Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND.

Ngoài ra, tên gọi của các khoản tại Điều 1 dự thảo trình bày *"Quy định*

kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022…" chưa phù hợp với Mẫu số 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo: đã tiếp thu, điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định tại khoản 3 nêu trên.

4. Tên gọi của khoản 6 Điều 1 dự thảo trình bày *"Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022"* là chưa chính xác. Bởi vì, khoản 2 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND có 02 khoản; nội dung dự thảo chỉ sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định lại nội dung sửa đổi, bổ sung cho chính xác.

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo: đã tiếp thu, điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định tại khoản 3 nêu trên.

5. Nội dung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 và nội dung dự thảo Nghị quyết quy định về Định mức và phương pháp tính vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thực hiện Chương trình phân bổ vốn cho các huyện hiện nay không phù hợp với chủ trương tại khoản 2 Mục I và khoản 6 Mục II Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã có chủ trương "Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp…". Đồng thời, thực hiện ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long tại Văn bản số 1910/VPCP-PL và Công văn số 1297/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 10/3/2025 của Bộ Tư pháp về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật dự kiến cần sửa đổi, bổ sung có liên quan đến thẩm quyền, cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đề xuất hướng xử lý đối với văn bản đã ban hành. Do đó, trong giai đoạn hiện nay cơ quan soạn thảo đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung phân bổ cho các huyện là không phù hợp với chủ trương tại Kết luận số 127-KL/TW. *Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo giữ nguyên các nội dung quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn cho các huyện tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024.*

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo: đã tiếp thu, điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định tại khoản 3 nêu trên.

6. Nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết đề nghị không trình bày kiểu chữ in đậm tại khoản 4; không trình bày dấu sao "*" tại khoản 2 để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi,

bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP *"2 Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý và phải được trình bày trong một câu hoàn chỉnh hoặc một đoạn, không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm…"*.

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo: đã tiếp thu, điều chỉnh.

7. Tại phần nơi nhận đề nghị chỉnh sửa tên gọi *"Ủy ban Dân tộc"* thành *"Bộ Dân tộc và Tôn giáo"* và *"Vụ Pháp chế - Ủy ban Dân tộc"* thành *"Vụ Pháp chế - Bộ Dân tộc và Tôn giáo"*; *"Cục kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp"* thành *"Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp"* để phù hợp với Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2024 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và khoản 10 Điều 3 Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2024 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

* Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo: đã tiếp thu, điều chỉnh.

Sở Dân tộc và Tôn giáo kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
TỈNH QUẢNG NGÃI

Hồ Ngọc Thịnh

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69 /BC-STP	*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 3 năm 2025*

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi

Theo đề nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn số 66/SDTTG-CS ngày 10/3/2025 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh; thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 *(sau đây viết tắt là Luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020)*, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh

1. Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 27/HĐND-DT ngày 05/3/2025, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1178/UBND-KGVX ngày 05/3/2025, Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND

ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi *(sau đây viết tắt là Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND)* đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 là cần thiết.

2. Tại Điều 12 Luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định *"Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền"*. Do vậy, Sở Dân tộc và Tôn giáo xây dựng dự thảo Nghị quyết dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh là phù hợp với quy định của pháp luật.

II. Tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày **01/3/2025** được thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Đầu tư công năm 2019 đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày **01/01/2025** được thay thế bởi Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo thay thế các văn bản luật làm căn cứ pháp lý ban hành cho phù hợp. Đồng thời, đề nghị bỏ 01 căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 để không trùng lặp.

2. Tên gọi và tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết trình bày *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh"* là chưa chính xác. Bởi vì, các nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- Nội dung điểm b khoản 1 Điều 7; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh.

- Nội dung khoản 2 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh.

Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày lại tên gọi và tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp và đảm bảo tính chính xác.

3. Nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND:

a) Qua rà soát nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết *(trừ **khoản 4 và khoản 9**)* chỉ **sửa đổi tên gọi** của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Dân tộc tỉnh thành "**Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo**". Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung toàn bộ nội dung của điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước *"**Không bắt buộc ban hành văn bản chỉ để xử lý nội dung về tên gọi của các cơ quan**, chức danh có thẩm quyền bị thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước"*. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện rà soát lại toàn bộ nội dung của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND và trình bày theo hướng sau: (1) Các điều, khoản có thay đổi về nội dung thì trình bày thành một điều để quy định về sửa đổi, bổ sung; (2) Các điều, khoản nào chỉ thay đổi về tên gọi, không thay đổi nội dung thì trình bày thành một điều quy định về thay thế tên gọi của các cơ quan.

b) Tại khoản 1, 2 Điều 1 dự thảo sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 **Điều 7** Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND nhưng trình bày thành 2 khoản (1 và 2) là chưa phù hợp với thể thức kỹ thuật trình bày văn bản sửa đổi, bổ sung. Tương tự tại khoản 3, 4, 5 dự thảo Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 **Điều 9** Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND; khoản 7, 8, 9 dự thảo sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b **Điều 14** Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày lại bố cục của Điều 1 dự thảo Nghị quyết theo hướng: Mỗi khoản của Điều 1 dự thảo Nghị quyết thực hiện sửa đổi, bổ sung 01 Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND.

Ngoài ra, tên gọi của các khoản tại Điều 1 dự thảo trình bày *"Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022..."* chưa phù hợp với Mẫu số 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

c) Tên gọi của khoản 6 Điều 1 dự thảo trình bày *"Sửa đổi, bổ sung **khoản 2 Điều 13** Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022"* là chưa chính xác. Bởi vì, khoản 2 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị

quyết số 09/2022/NQ-HĐND có 02 khoản; nội dung dự thảo chỉ sửa đổi, bổ sung **điểm b** khoản 2 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định lại nội dung sửa đổi, bổ sung cho chính xác.

4. Nội dung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 và nội dung dự thảo Nghị quyết quy định về Định mức và phương pháp tính vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thực hiện Chương trình phân bổ vốn **cho các huyện** hiện nay không với chủ trương tại khoản 2 Mục I và khoản 6 Mục II Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã có chủ trương *"Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, **không tổ chức cấp huyện**, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp..."*. Đồng thời, thực hiện ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long tại Văn bản số 1910/VPCP-PL và Công văn số 1297/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 10/3/2025 của Bộ Tư pháp về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật dự kiến cần sửa đổi, bổ sung có liên quan đến thẩm quyền, cơ cấu tổ chức của **chính quyền địa phương** ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đề xuất hướng xử lý đối với văn bản đã ban hành. Do đó, trong giai đoạn hiện nay cơ quan soạn thảo đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung phân bổ cho các huyện là không phù hợp với chủ trương tại Kết luận số 127-KL/TW. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo giữ nguyên các nội dung quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn cho các huyện tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024.

III. Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo Nghị quyết

1. Nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết đề nghị không trình bày kiểu chữ in đậm tại khoản 4; không trình bày dấu sao **"*"** tại khoản 2 để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP *"2 Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý và phải được trình bày trong một câu hoàn chỉnh hoặc một đoạn, **không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm**..."*.

2. Tại phần nơi nhận đề nghị chỉnh sửa tên gọi *"Ủy ban Dân tộc"* thành *"Bộ Dân tộc và Tôn giáo"* và *"Vụ Pháp chế - **Ủy ban Dân tộc**"* thành *"Vụ Pháp chế - **Bộ Dân tộc và Tôn giáo**"*; *"Cục kiểm tra Văn bản **QPPL** - Bộ Tư pháp"* thành *"Cục Kiểm tra văn bản và **Quản lý xử lý vi phạm hành chính** - Bộ Tư pháp"* để phù hợp với Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2024 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và khoản 10 Điều 3 Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày

26/02/2024 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

IV. Kết luận

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Ban Dân tộc và Tôn giáo tổ chức rà soát và thực hiện chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Nghị quyết để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội và đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Các PGĐ Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu:VT,VBQP (Hoa).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Sáu